

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2014/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 15 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư; hỗ trợ kinh phí hoạt động các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội ở khu đặc biệt khó khăn, khu thuộc xã đặc biệt khó khăn và an toàn khu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ; Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐTB&XH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực

hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố; Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã, Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 01 tháng 7 năm 2010 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 5109/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư như sau:

1. Về chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1.1. Các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

- (1). Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- (2). Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- (3). Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- (4). Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- (5). Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- (6). Phó Trưởng Công an (đối với xã, thị trấn);
- (7). Phó Chỉ huy Trưởng quân sự;
- (8). Văn phòng Đảng ủy;
- (9). Thủ quỹ, Văn thư, Lưu trữ;
- (10). Truyền thanh, tuyên truyền;
- (11). Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- (12). Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- (13). Bru điện;

(14). Kế hoạch – Giao thông – Thủy lợi, nông lâm, ngư nghiệp;

(15). Lao động – Thương binh và Xã hội;

(16). Trường ban Thanh tra nhân dân;

(17). Các chức danh khối Đảng ủy: Trưởng ban Tổ chức, Trưởng ban Tuyên giáo, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra (tùy tình hình thực tế ở địa phương bố trí Bí thư, Phó Bí thư hoặc Trường trực đảng kiêm nhiệm).

Các chức danh: Kế hoạch – giao thông – thủy lợi, nông lâm, ngư nghiệp; Trường ban Thanh tra nhân dân; lao động – thương binh và xã hội; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tùy

tình hình cụ thể ở địa phương bố trí chức danh không chuyên trách khác kiêm nhiệm.

1.2. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí như sau:

- Cấp xã loại 1: Bố trí 14 người;
- Cấp xã loại 2: Bố trí 13 người;
- Cấp xã loại 3: Bố trí 12 người.

Xã trọng điểm, phức tạp về an ninh; xã loại 1 (không thuộc xã trọng điểm) được bố trí thêm 01 Phó trưởng Công an, 01 Phó Chỉ huy trưởng Quân sự.

2. Về chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở khu dân cư

2.1. Các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở khu dân cư:

- (1). Bí thư chi bộ;
- (2). Trưởng khu dân cư;
- (3). Phó Trưởng khu dân cư;
- (4). Công an viên;
- (5). Thôn đội trưởng;
- (6). Trưởng ban bảo vệ dân phố;
- (7). Phó trưởng ban bảo vệ dân phố;
- (8). Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố (kiêm Ủy viên Ban bảo vệ dân phố);
- (9). Phó Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố;
- (10). Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố;
- (11). Nhân viên y tế khu dân cư thuộc các xã (không quy định các phường, thị trấn).

2.2. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở khu dân cư:

- Mỗi khu dân cư được bố trí 04 người đảm nhiệm các chức danh: Bí thư chi bộ, Trưởng khu dân cư, Công an viên, Thôn đội trưởng.

Ngoài 04 chức danh trên, các khu dân cư được bố trí thêm chức danh và số lượng cụ thể như sau:

+ Khu dân cư có 300 hộ trở lên đối với phường, thị trấn và xã không thuộc xã miền núi; 200 hộ dân trở lên đối với xã miền núi loại I; 100 hộ trở lên đối với xã miền núi loại II, xã miền núi loại III: được bố trí 01 Phó Trưởng khu dân cư.

+ Khu dân cư thuộc phường bố trí 01 Tổ bảo vệ dân phố gồm: Tổ trưởng, 01 Phó Tổ trưởng và các tổ viên. Số lượng tổ viên được bố trí tùy tình hình cụ thể từng khu dân cư nhưng không vượt quá 07 tổ viên/tổ.

+ Khu dân cư thuộc các xã (không quy định khu thuộc các phường và thị trấn) bố trí 01 nhân viên y tế khu.

- Mỗi xã, thị trấn bố trí 02 Công an viên thường trực tại trụ sở, riêng xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, xã loại 1 (không thuộc xã trọng điểm) được bố trí 03 Công an viên thường trực.

- Mỗi phường bố trí 01 Ban bảo vệ dân phố gồm: Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban và các Ủy viên (kiêm Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố).

Điều 2. Quy định mức phụ cấp hàng tháng theo hệ số tháng lương cơ sở đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư như sau:

1. Mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

- Phó Chỉ huy trưởng Quân sự: 1,25;
- Phó trưởng Công an: 1,25;
- Văn phòng Đảng ủy: 1,0;
- Các chức danh còn lại: 0,67;

(Mức phụ cấp của Phó Chỉ huy trưởng Quân sự, Phó trưởng Công an bao gồm hỗ trợ 25% mức lương cơ sở để đóng BHXH, BHYT).

2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở khu dân cư

- Bí thư chi bộ: 0,67;
- Trưởng khu dân cư: 0,67;
- Phó Trưởng khu dân cư: 0,52;
- Công an viên thường trực tại trụ sở: 0,7;
- Công an viên: 0,6;
- Thôn đội trưởng: 0,5;
- Trưởng Ban bảo vệ dân phố: 0,17;
- Phó trưởng Ban bảo vệ dân phố: 0,15;
- Tổ trưởng bảo vệ dân phố: 0,13;
- Phó Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố: 0,11;
- Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: 0,1;
- Nhân viên y tế ở khu dân cư khó khăn, khu dân cư thuộc xã khó khăn và an toàn khu: 0,5;
- Nhân viên y tế ở khu dân cư thuộc xã còn lại: 0,3.

3. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

Phụ cấp kiêm nhiệm một hoặc nhiều chức danh: 0,12.

Điều 3. Công chức cấp xã không kiêm nhiệm chức danh những người hoạt động không chuyên trách.

Điều 4. Hỗ trợ kinh phí hoạt động của các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội (Ban Công tác Mặt trận; Chi hội Phụ nữ; Chi hội Nông dân; Chi hội Cựu chiến binh; Chi đoàn Thanh niên) ở khu đặc biệt khó khăn, khu thuộc xã đặc biệt khó khăn và an toàn khu: 1.000.000đ (một triệu đồng)/chi hội/1 năm.

Điều 5. Hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- Bãi bỏ Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng và chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư, hỗ trợ kinh phí hoạt động của các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội các xã đặc biệt khó khăn; Nghị quyết số 182/2009/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc quy định mức phụ cấp hàng tháng cho Bảo vệ dân phố.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XVII, kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2014./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Dân Mạc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2014/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 15 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư; hỗ trợ kinh phí hoạt động các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội ở khu đặc biệt khó khăn, khu thuộc xã đặc biệt khó khăn và an toàn khu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ; Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐTB&XH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực

hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố; Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã, Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 01 tháng 7 năm 2010 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 5109/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư như sau:

1. Về chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1.1. Các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

- (1). Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- (2). Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- (3). Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- (4). Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- (5). Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- (6). Phó Trưởng Công an (đối với xã, thị trấn);
- (7). Phó Chỉ huy Trưởng quân sự;
- (8). Văn phòng Đảng ủy;
- (9). Thủ quỹ, Văn thư, Lưu trữ;
- (10). Truyền thanh, tuyên truyền;
- (11). Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- (12). Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- (13). Bru điện;
- (14). Kế hoạch – Giao thông – Thủy lợi, nông lâm, ngư nghiệp;
- (15). Lao động – Thương binh và Xã hội;
- (16). Trường ban Thanh tra nhân dân;
- (17). Các chức danh khối Đảng ủy: Trưởng ban Tổ chức, Trưởng ban Tuyên giáo, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra (tùy tình hình thực tế ở địa phương bố trí Bí thư, Phó Bí thư hoặc Trường trực đảng kiêm nhiệm).

Các chức danh: Kế hoạch – giao thông – thủy lợi, nông lâm, ngư nghiệp; Trường ban Thanh tra nhân dân; lao động – thương binh và xã hội; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tùy

tình hình cụ thể ở địa phương bố trí chức danh không chuyên trách khác kiêm nhiệm.

1.2. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí như sau:

- Cấp xã loại 1: Bố trí 14 người;
- Cấp xã loại 2: Bố trí 13 người;
- Cấp xã loại 3: Bố trí 12 người.

Xã trọng điểm, phức tạp về an ninh; xã loại 1 (không thuộc xã trọng điểm) được bố trí thêm 01 Phó trưởng Công an, 01 Phó Chỉ huy trưởng Quân sự.

2. Về chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở khu dân cư

2.1. Các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở khu dân cư:

- (1). Bí thư chi bộ;
- (2). Trưởng khu dân cư;
- (3). Phó Trưởng khu dân cư;
- (4). Công an viên;
- (5). Thôn đội trưởng;
- (6). Trưởng ban bảo vệ dân phố;
- (7). Phó trưởng ban bảo vệ dân phố;
- (8). Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố (kiêm Ủy viên Ban bảo vệ dân phố);
- (9). Phó Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố;
- (10). Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố;
- (11). Nhân viên y tế khu dân cư thuộc các xã (không quy định các phường, thị trấn).

2.2. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở khu dân cư:

- Mỗi khu dân cư được bố trí 04 người đảm nhiệm các chức danh: Bí thư chi bộ, Trưởng khu dân cư, Công an viên, Thôn đội trưởng.

Ngoài 04 chức danh trên, các khu dân cư được bố trí thêm chức danh và số lượng cụ thể như sau:

+ Khu dân cư có 300 hộ trở lên đối với phường, thị trấn và xã không thuộc xã miền núi; 200 hộ dân trở lên đối với xã miền núi loại I; 100 hộ trở lên đối với xã miền núi loại II, xã miền núi loại III: được bố trí 01 Phó Trưởng khu dân cư.

+ Khu dân cư thuộc phường bố trí 01 Tổ bảo vệ dân phố gồm: Tổ trưởng, 01 Phó Tổ trưởng và các tổ viên. Số lượng tổ viên được bố trí tùy tình hình cụ thể từng khu dân cư nhưng không vượt quá 07 tổ viên/tổ.

+ Khu dân cư thuộc các xã (không quy định khu thuộc các phường và thị trấn) bố trí 01 nhân viên y tế khu.

- Mỗi xã, thị trấn bố trí 02 Công an viên thường trực tại trụ sở, riêng xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, xã loại 1 (không thuộc xã trọng điểm) được bố trí 03 Công an viên thường trực.

- Mỗi phường bố trí 01 Ban bảo vệ dân phố gồm: Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban và các Ủy viên (kiêm Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố).

Điều 2. Quy định mức phụ cấp hàng tháng theo hệ số tháng lương cơ sở đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư như sau:

1. Mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

- Phó Chỉ huy trưởng Quân sự: 1,25;
- Phó trưởng Công an: 1,25;
- Văn phòng Đảng ủy: 1,0;
- Các chức danh còn lại: 0,67;

(Mức phụ cấp của Phó Chỉ huy trưởng Quân sự, Phó trưởng Công an bao gồm hỗ trợ 25% mức lương cơ sở để đóng BHXH, BHYT).

2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở khu dân cư

- Bí thư chi bộ: 0,67;
- Trưởng khu dân cư: 0,67;
- Phó Trưởng khu dân cư: 0,52;
- Công an viên thường trực tại trụ sở: 0,7;
- Công an viên: 0,6;
- Thôn đội trưởng: 0,5;
- Trưởng Ban bảo vệ dân phố: 0,17;
- Phó trưởng Ban bảo vệ dân phố: 0,15;
- Tổ trưởng bảo vệ dân phố: 0,13;
- Phó Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố: 0,11;
- Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: 0,1;
- Nhân viên y tế ở khu dân cư khó khăn, khu dân cư thuộc xã khó khăn và an toàn khu: 0,5;
- Nhân viên y tế ở khu dân cư thuộc xã còn lại: 0,3.

3. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

Phụ cấp kiêm nhiệm một hoặc nhiều chức danh: 0,12.

Điều 3. Công chức cấp xã không kiêm nhiệm chức danh những người hoạt động không chuyên trách.

Điều 4. Hỗ trợ kinh phí hoạt động của các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội (Ban Công tác Mặt trận; Chi hội Phụ nữ; Chi hội Nông dân; Chi hội Cựu chiến binh; Chi đoàn Thanh niên) ở khu đặc biệt khó khăn, khu thuộc xã đặc biệt khó khăn và an toàn khu: 1.000.000đ (một triệu đồng)/chi hội/1 năm.

Điều 5. Hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- Bãi bỏ Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng và chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và khu dân cư, hỗ trợ kinh phí hoạt động của các chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội các xã đặc biệt khó khăn; Nghị quyết số 182/2009/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc quy định mức phụ cấp hàng tháng cho Bảo vệ dân phố.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XVII, kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2014./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Dân Mạc